

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 6510303

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	82
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	32
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	3
MH 10	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 11	Kỹ thuật điện tử 1	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử 2	2
MH 13	Khí cụ điện	2
MH 14	Cung cấp điện	3
MĐ 15	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MĐ 16	Điện tử công suất	3
MH 17	Máy điện	2
MĐ 18	Vẽ kỹ thuật	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	46
MH 19	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 20	Thực tập điện cơ bản	2
MĐ 21	Kỹ thuật Audio - Video	2
MĐ 22	Thiết kế mạch điện tử	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 23	Vi điều khiển	2
MH 24	Truyền động điện	3
MĐ 25	Trang bị điện 1	3
MĐ26	Trang bị điện 2	2
MĐ 27	PLC	4
MĐ 28	Thực tập Vi điều khiển	2
MĐ 29	Năng lượng tái tạo	2
MĐ30	Thực tập máy điện	2
MĐ 31	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 32	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (<i>Chọn 1 trong 2 môn học</i>)	2
MĐ 34	Điều khiển thủy lực - khí nén	2
MĐ 35	Tin học ứng dụng	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 36	Đồ án tốt nghiệp	2
	Hoặc học bổ sung	
MH 37	Thực tập hệ thống thông tin công nghiệp	2
TỔNG (I+II):		101

Tổng 101 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 6520227

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	80
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	32
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật	3
MH 10	Lý thuyết mạch	3
MH 11	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử 1	3
MĐ 13	Kỹ thuật điện tử 2	2
MH 14	Khí cụ điện	2
MĐ 15	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MĐ 16	Điện tử công suất	3
MH 17	Cung cấp điện	3
MH 18	Máy điện	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	46
MH 19	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 20	Thực tập điện cơ bản	2
MH 21	Truyền động điện	3
MĐ 22	Năng lượng tái tạo	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Vi điều khiển	3
MĐ 24	Điều khiển thủy lực - khí nén	2
MĐ 25	Kỹ thuật điện lạnh	3
MĐ 26	Trang bị điện 1	3
MĐ 27	Trang bị điện 2	2
MĐ 28	PLC	4
MĐ 29	Matlab ứng dụng ngành điện	1
MĐ 30	Thực tập máy điện	2
MĐ 31	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 32	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 33	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 34	Đồ án tốt nghiệp	2
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 35	Bảo vệ Role và tự động hóa trong hệ thống điện	2
TỔNG (I+II):		99

Tổng 99 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1. **Ngành, nghề:** CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA
- 2. **Mã ngành, nghề:** 6510305
- 3. **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	82
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	31
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật	3
MH 10	Lý thuyết mạch	3
MH 11	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử	4
MH 13	Khí cụ điện	2
MĐ 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MĐ 15	Điện tử công suất	3
MH 16	Cung cấp điện	3
MH 17	Máy điện	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	49
MH 18	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 19	Thực tập điện cơ bản	2
MH 20	Truyền động điện	3
MĐ 21	Vi điều khiển	3
MĐ 22	Điều khiển thủy lực - khí nén	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Trang bị điện 1	3
MĐ 24	Trang bị điện 2	2
MĐ 25	PLC	4
MĐ 26	Hệ thống Scada	3
MĐ 27	Năng lượng tái tạo	2
MĐ 28	Hệ thống điều khiển tự động	3
MĐ 29	Rô bốt công nghiệp	3
MĐ 30	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 31	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 33	Đồ án tốt nghiệp	2
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 34	Thực tập hệ thống thông tin công nghiệp	2
TỔNG (I+II):		101

Tổng 101 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VÀ NĂNG LƯỢNG TÒA NHÀ

2. Mã ngành, nghề: 6510314

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	28
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	3
MH 10	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 11	Kỹ thuật điện tử	4
MH 12	Khí cụ điện	2
MH 13	Cung cấp điện	3
MĐ 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MH 15	Cơ kỹ thuật	2
MH 16	Vẽ kỹ thuật	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	53
MH 17	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 18	Thực tập điện cơ bản	2
MH 19	Máy điện	2
MĐ 20	Kỹ thuật chung về vận hành tòa nhà	2
MĐ 21	Kỹ thuật điện lạnh	3
MH 22	Hệ thống quản lý tòa nhà BMS	2
MĐ 23	Kỹ thuật vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy	2

MH 24	Điện tử công suất	3
MĐ 25	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	2
MĐ 26	Kỹ thuật vận hành hệ thống thông gió và bơm	4
MĐ 27	Kỹ thuật vận hành hệ thống cấp thoát nước	2
MĐ 28	Năng lượng tái tạo	2
MĐ 29	Vận hành hệ thống camera giám sát.	2
MH 30	Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả	2
MĐ 31	Thực tập vận hành hệ thống điều hòa không khí trong tòa nhà.	2
MĐ 32	Thực tập vận hành và bảo trì hệ thống cung cấp điện trong tòa nhà	2
MĐ 33	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 34	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MĐ 36	Mạch điện tử ứng dụng	2
MĐ 37	Tin học ứng dụng	2
II.4	TỐT NGHIỆP (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 38	Đồ án tốt nghiệp	2
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 39	Thực tập hệ thống thông tin công nghiệp	2
	Tổng	104

Tổng 104 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

2. Mã ngành, nghề: 6520205

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	23
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Kỹ thuật điện	3
MH 10	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hòa không khí	4
MH 11	Máy điện	2
MH 12	Trang bị điện lạnh	4
MH 13	Kỹ thuật điện tử	3
MĐ 14	Vẽ kỹ thuật	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	58
MH 15	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 16	Đo lường Điện - Lạnh	3
MĐ 17	Thực tập kỹ thuật điện tử	2
MĐ 18	PLC	3
MH 19	Lạnh cơ bản	3
MĐ 20	Kỹ thuật lắp đặt điện	2
MH 21	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	3
MH 22	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	3
MH 23	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 24	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	2
MĐ 25	Thực tập máy điện	1
MĐ 26	Thực tập trang bị điện lạnh	2
MĐ 27	Thực tập hàn	2
MĐ 28	Thực tập lạnh cơ bản	2
MĐ 29	Thực tập hệ thống điều hoà không khí cục bộ	2
MĐ 30	Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	2
MĐ 31	Thực tập Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	2
MĐ 32	Thực tập Hệ thống máy lạnh công nghiệp	2
MĐ 33	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 34	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MĐ 36	Điện tử công suất	2
MĐ 37	Điện tử điện lạnh	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 38	Đồ án tốt nghiệp	2
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 39	Tự động hóa trong hệ thống lạnh	2
TỔNG (I+II):		104

Tổng 104 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 6520225

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	86
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	25
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	2
MH 10	Linh kiện điện tử	3
MĐ 11	Đo lường Điện tử	2
MH 12	Kỹ thuật mạch Điện tử I	2
MĐ 13	Kỹ thuật mạch Điện tử II	3
MH 14	Kỹ thuật xung - số	3
MĐ 15	Điện cơ bản	2
MĐ 16	Trang bị điện	2
MH 17	Tiếng Anh chuyên ngành	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	58
MH 18	Kỹ thuật cảm biến	2
MĐ 19	Điện tử công suất	3
MĐ 20	PLC	5
MH 21	Vi điều khiển	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 22	Lập trình C	2
MĐ 23	Điều khiển thủy lực - khí nén	2
MĐ 24	Cơ sở Internet vạn vật (IOT)	3
MĐ 25	Kỹ thuật mạng truyền thông công nghiệp	3
MĐ 26	Lập trình lắp đặt vi mạch ứng dụng	3
MĐ 27	Thực tập Linh kiện điện tử	2
MĐ 28	Thực tập Kỹ thuật mạch điện tử I	2
MĐ 29	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MĐ 30	Thực tập Vi điều khiển	3
MĐ 31	Thiết kế mạch điện tử	3
MĐ 32	Vi mạch số lập trình	3
MĐ 33	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 34	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 36	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 37	Xử lý số tín hiệu	3
	TỔNG (I+II):	105

Tổng 105 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG

2. Mã ngành, nghề: 6520224

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	23
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	2
MH 10	Linh kiện điện tử	3
MĐ 11	Đo lường Điện tử	2
MH 12	Kỹ thuật mạch Điện tử I	3
MH 13	Kỹ thuật mạch Điện tử II	3
MH 14	Lập trình robot	3
MH 15	Kỹ thuật xung - số	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	59
MH 16	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 17	Điện tử công suất	3
MĐ 18	PLC	5
MH 19	Vi điều khiển	3
MĐ 20	Kỹ thuật cảm biến	2
MH 21	Máy thu hình	2
MĐ 22	Lập trình lắp đặt vi mạch ứng dụng	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Camera	3
MĐ 24	Thực tập Linh kiện điện tử	2
MĐ 25	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MĐ 26	Thực tập Kỹ thuật mạch điện tử I	2
MĐ 27	Thực tập Vi Điều khiển	2
MĐ 28	Thực tập thiết bị điện - điện tử	2
MĐ 29	Thiết kế mạch Điện tử	3
MĐ 30	Cơ sở Internet vạn vật (IOT)	3
MĐ 31	Hệ thống cảnh báo an ninh, an toàn	3
MĐ 32	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 33	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 35	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 36	Thực tập Kỹ thuật Audio & Video	3
	TỔNG (I+II):	104

Tổng 104 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 6510304

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	87
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật	3
MH 10	Autocad	3
MĐ 11	Đo lường điện tử	3
MH 12	Kỹ thuật điện tử	4
MH 13	Kỹ thuật gia công cơ khí	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	64
MH 14	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ15	Điện tử công suất	3
MĐ16	PLC	4
MH17	Hệ thống cơ điện tử	2
MĐ18	Thiết kế mạch điện tử	3
MĐ19	Vi mạch số lập trình	3
MĐ20	Mạng truyền thông công nghiệp cơ điện tử	3
MĐ21	Vi điều khiển	3
MĐ22	Lập trình C	2

MĐ23	Thực tập vi điều khiển	3
MĐ24	Điều khiển điện khí nén	2
MĐ25	Kỹ thuật cảm biến	2
MĐ26	Tiện cơ bản	1
MĐ27	Thực hành Tiện CNC, Phay CNC	1
MĐ28	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2
MĐ29	Phay cơ bản	1
MĐ30	Robot công nghiệp	3
MĐ31	Lập trình HMI	2
MĐ32	Hệ thống cơ điện tử trong các thiết bị bay	2
MĐ33	Lập trình, vận hành hệ thống cơ điện tử	3
MĐ34	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ35	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ36	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ37	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ38	Thực tập hệ thống thông tin công nghiệp	3
Tổng (I+II):		106

Tổng 107 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình chu

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2. Mã ngành, nghề: 6480201

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	81
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	25
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MĐ 08	Lập trình java căn bản	3
MĐ 09	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	3
MH 10	Toán ứng dụng	3
MH 11	Cơ sở dữ liệu	3
MĐ 12	Mạng máy tính	3
MĐ 13	Lập trình Javascript căn bản	3
MH 14	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 15	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	50
MĐ 16	Thiết kế web	3
MĐ 17	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
MĐ 18	Lập trình java nâng cao	3
MĐ 19	Lập trình web php	4
MH 20	An toàn hệ thống thông tin	3
MH 21	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	3
MĐ 22	Lập trình web nâng cao	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Lập trình java Web	3
MĐ 24	Lập trình JavaScript nâng cao	4
MĐ 25	Khai thác mã nguồn mở	4
MĐ 26	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 27	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học, mô đun)	3
MĐ 29	Đồ họa ứng dụng	3
MĐ 30	Adobe Illustrator	3
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 31	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 32	Lập trình Python	3
	TỔNG (I+II):	100

Tổng 100 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH

2. Mã ngành, nghề: 6480102

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	77
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	27
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MĐ 08	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	3
MH 09	Toán ứng dụng	3
MĐ 10	Cấu kiện điện tử	3
MĐ 11	Đo lường Điện tử	2
MĐ 12	Kỹ thuật mạch điện tử	3
MĐ 13	Lập trình căn bản	3
MH 14	Cơ sở dữ liệu	3
MH 15	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	44
MĐ 17	Sửa chữa máy tính 1	3
MĐ 18	Thiết kế mạch	3
MĐ 19	Lập trình robot	3
MĐ 20	Sửa chữa máy tính 2	3
MH 21	An toàn hệ thống thông tin	3
MH 22	Nguyên lý hệ điều hành	3
MĐ 23	Mạng máy tính	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 24	Sửa chữa màn hình LCD-LED	3
MĐ 25	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	3
MĐ 26	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 27	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học, mô đun)	3
MĐ 29	Lập trình ứng dụng	3
MĐ 30	Quản trị mạng	3
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 31	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	3
MĐ 32	Sửa chữa mainboard nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	96

Tổng 96 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình ch

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

2. Mã ngành, nghề: 6510201

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	75
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	23
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vật liệu cơ khí	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 12	Vẽ kỹ thuật	3
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
MH 14	Autocad	3
MH 15	Chi tiết máy	2
MH 16	Nguyên lý máy	2
MH 17	Nguyên lý cắt	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	47
MH 18	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 19	Đồ gá	2
MH 20	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3
MH 21	Công nghệ chế tạo máy	4
MĐ 22	Tiện trụ ngoài	3

MĐ 23	Phay, bào mặt phẳng	3
MĐ 24	Tiện lỗ	1
MĐ 25	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	1
MĐ 26	Phay bánh răng trụ răng thẳng	1
MĐ 27	Tiện côn	1
MĐ 28	Tiện ren	2
MĐ 29	Mài phẳng, mài tròn	1
MĐ 30	Thực tập Tiện CNC	3
MĐ 31	Thực tập Phay CNC	3
MĐ 32	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 33	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 35	Chế tạo phôi	2
MH 36	Máy cắt kim loại	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 37	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 38	Công nghệ CAD/CAM/CNC nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	94

Tổng 94 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CHẾ TẠO KHUÔN MẪU

2. Mã ngành, nghề: 6520105

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	82
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	15
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH09	An toàn lao động	1
MH10	Vật liệu cơ khí	2
MH11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH12	Vẽ kỹ thuật	3
MH13	Vẽ Autocad	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	59
MH14	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ15	Gia công nguội cơ bản	2
MH16	Cơ sở công nghệ gia công kim loại	4
MH17	Công nghệ chế tạo khuôn mẫu	4
MĐ18	Gia công Tiện 1	2
MĐ19	Gia công Phay 1	2
MĐ20	Gia công Mài 1	1
MĐ21	CAD – CAM – CNC Cơ bản	6
MĐ22	Gia công trên máy cắt dây 1	1
MĐ23	Gia công trên máy xung định hình 1	1

MĐ24	Thiết kế khuôn mẫu cơ bản	3
MĐ25	Gia công lắp ráp khuôn cơ bản	3
MĐ26	Gia công Tiện 2	2
MĐ27	Gia công Phay 2	2
MĐ28	Gia công Mài 2	1
MĐ29	CAD - CAM - CNC nâng cao	4
MĐ30	Gia công trên máy cắt dây 2	1
MĐ31	Gia công trên máy xung định hình 2	1
MĐ32	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ33	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ34	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 02 trong 04 môn học)	5
II.3.1	Chọn 01 trong 02 môn học	2
MH35	Nguyên lý cắt	2
MH36	Máy cắt kim loại	2
II.3.2	Chọn 01 trong 02 môn học	3
MĐ37	Thiết kế khuôn mẫu nâng cao	3
MĐ38	Gia công lắp ráp khuôn nâng cao	3
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ38	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ39	Bảo trì bảo dưỡng cơ khí	3
Tổng (I+II):		101

Tổng 101 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

2. Mã ngành, nghề: 6510216

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	87
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	18
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	An toàn lao động	1
MH 09	Vật liệu cơ khí	2
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3
MH 12	Autocad	2
MH 13	Điện tử cơ bản	2
MH 14	Cơ kỹ thuật	2
MH 15	Hệ thống thủy lực khí nén	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	65
MH 16	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 17	Kết cấu động cơ đốt trong	4
MH 18	Kết cấu khung gầm ô tô	4
MH 19	Hệ thống điện động cơ và điện thân xe ô tô	4
MH 20	Lý thuyết sửa chữa ô tô	2
MH 21	Nhiên liệu dầu mỡ	2
MH 22	Xe ô tô điện	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 23	Hệ thống điều hoà không khí trên ô tô	2
MH 24	Cảm biến và cơ cấu chấp hành trong hệ thống cơ điện tử ô tô	3
MH 25	Kỹ thuật chẩn đoán ô tô	3
MĐ 26	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng bộ phận cố định và cơ cấu trục khuỷu thanh truyền	4
MĐ 27	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	2
MĐ 28	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bôi trơn - làm mát	2
MĐ 29	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2
MĐ 30	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel	2
MĐ 31	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện ô tô	4
MĐ 32	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống khung - gầm - bệ ô tô	3
MĐ 33	Đồ án động cơ đốt trong	1
MĐ 34	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 35	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 36	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (<i>Chọn 01 trong 03 môn học, mô đun</i>)	2
MĐ 37	Kỹ thuật lái ô tô	2
MĐ 38	Thực tập sơn ô tô	2
MĐ 39	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 40	Đồ án tốt nghiệp	2
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 41	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng mô tô - xe máy	2
	TỔNG (I+II):	106

Tổng 106 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** CÔNG NGHỆ Ô TÔ (Chương trình đào tạo chất lượng cao)

2. **Mã ngành, nghề:** 6510216

3. **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	101
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	27
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 12	Autocad	2
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vật liệu cơ khí	3
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	3
MH 12	Vẽ kỹ thuật	3
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
MH 14	Tiếng Anh nâng cao	3
MH 15	Điện tử cơ bản	2
MH 16	Hệ thống thủy lực khí nén	2
MH 17	Tổ chức quản lý sản xuất	2
MH 18	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	69
MH 19	Tiếng Anh chuyên ngành	3
MH 20	Cảm biến và cơ cấu chấp hành trong hệ thống cơ điện tử ô tô	3
MH 21	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
MH 22	Kết cấu động cơ đốt trong	4
MH 23	Kỹ thuật chẩn đoán ô tô	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 24	Kết cấu khung gầm ô tô	4
MH 25	Hệ thống điện động cơ và điện thân xe	4
MH 26	Nhiên liệu dầu mỡ	2
MH27	Xe ô tô điện	3
MĐ 28	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng bộ phận cố định và cơ cấu trục khuỷu thanh truyền	4
MĐ 29	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	2
MĐ 30	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bôi trơn - làm mát	2
MĐ 31	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2
MĐ 32	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu Đ/c Diesel	2
MĐ 33	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện ô tô	4
MĐ 34	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống khung - gầm - bộ ô tô	4
MĐ 35	Đồ án môn học	1
MĐ 36	Thực tập trải nghiệm	6
MĐ 37	Thực tập doanh nghiệp	6
MĐ 38	Thực tập tốt nghiệp	8
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 3 mô đun)	2
MĐ 39	Kỹ thuật lái ô tô	2
MĐ 40	Thực tập sơn ô tô	2
MĐ 41	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 42	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 43	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng mô tô - xe máy	3
	TỔNG (I+II):	120

Tổng 120 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình c.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KẾ TOÁN

2. Mã ngành, nghề: 6340301

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	86
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Kinh tế vĩ mô	2
MH 10	Nguyên lý kế toán	4
MH 11	Quản trị học	2
MH 12	Nguyên lý thống kê	2
MH 13	Marketing căn bản	2
MH 14	Luật kinh tế	2
MH 15	Tài chính tiền tệ	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	60
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 17	Tài chính doanh nghiệp	3
MH 18	Kế toán doanh nghiệp 1	5
MH 19	Kế toán doanh nghiệp 2	5
MH 20	Thống kê doanh nghiệp	2
MH 21	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
MH 22	Kế toán hành chính sự nghiệp	2
MH 23	Thực hành kê khai thuế	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 24	Kế toán quản trị	3
MH 25	Kế toán máy	2
MH 26	Kế toán thương mại và dịch vụ	2
MH 27	Thuế	2
MH 28	Thị trường chứng khoán	2
MH 29	Kế toán thuế	3
MH 30	Kiểm toán căn bản	2
MĐ 31	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	2
MĐ 32	Thực hành kế toán máy	2
MĐ 33	Thực hành kế toán doanh nghiệp	5
MĐ 34	Thực tập trải nghiệm	3
MĐ 35	Thực tập doanh nghiệp	3
MĐ 36	Thực tập tốt nghiệp	6
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 37	Quản trị doanh nghiệp	3
MH 38	Thanh toán quốc tế	3
II.4	Tốt nghiệp (Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 39	Khóa luận tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 40	Kế toán ngân hàng	3
	TỔNG (I+II):	105

Tổng 105 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: QUẢN TRỊ KINH DOANH

2. Mã ngành, nghề: 6340404

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	84
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	22
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Kinh tế vĩ mô	2
MH 10	Nguyên lý kế toán	3
MH 11	Quản trị học	2
MH 12	Nguyên lý thống kê	2
MH 13	Marketing căn bản	2
MH 14	Luật kinh tế	2
MH 15	Tài chính doanh nghiệp	2
MH 16	Tài chính tiền tệ	3
II.2	Các môn học chuyên ngành	53
MH 17	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 18	Thống kê doanh nghiệp	2
MH 19	Quản trị tài chính	2
MH 20	Quản trị chiến lược	2
MH 21	Quản trị dự án đầu tư	3
MH 22	Quản trị marketing	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 23	Quản trị Logistic	2
MH 24	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3
MH 25	Quản trị nhân lực	3
MH 26	Quản trị chất lượng	3
MH 27	Kế toán doanh nghiệp	3
MH 28	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
MH 29	Quản trị văn phòng	2
MH 30	Thương mại điện tử căn bản	2
MH 31	Thanh toán quốc tế	2
MH 32	Thực hành Kế toán doanh nghiệp	2
MĐ 33	Khởi sự kinh doanh	2
MĐ 34	Thực tập trải nghiệm	3
MĐ 35	Thực tập doanh nghiệp	3
MĐ 36	Thực tập tốt nghiệp	6
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (<i>Chọn 03 trong 5 môn học</i>)	6
MH 37	Thuế	2
MH 38	Kiểm toán căn bản	2
MH 39	Thị trường chứng khoán	2
MH 40	Tâm lý học quản lý	2
MH 41	Kinh tế bảo hiểm	2
II.4	Tốt nghiệp (Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 42	Khóa luận tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 43	Kinh tế quốc tế	3
	TỔNG (I+II):	103

Tổng 103 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 6340122

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	91
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	18
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Kinh tế vĩ mô	2
MH 10	Marketing điện tử	3
MH 11	Pháp luật thương mại điện tử	2
MH 12	Thương mại điện tử căn bản	3
MH 13	Thương mại di động	2
MH 14	Thanh toán điện tử	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	66
MĐ 15	Photoshop	3
MH 16	Tiếng Anh thương mại điện tử	2
MH 17	Chính phủ điện tử	2
MH 18	Quản trị chất lượng dịch vụ bán hàng	2
MH 19	Kỹ thuật nghiệp vụ thương mại	3
MH 20	Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm hàng hóa trong thương mại điện tử	3
MH 21	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	4
MH 22	Tài chính - Ngân hàng	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Khai báo hải quan điện tử	3
MH 24	Kinh tế thương mại	3
MĐ 25	Kỹ thuật SEO, SEM	3
MH 26	Quản trị Logistic	2
MĐ 27	Thiết kế website thương mại	2
MĐ 28	Lập trình website thương mại	4
MĐ29	Quảng cáo trực tuyến	2
MĐ 30	Biên tập Video	3
MH 31	Thuế	2
MĐ 32	Thực hành giao dịch B2B, B2C, C2C	5
MĐ 33	Thực hành Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	2
MĐ 34	Khởi sự kinh doanh	2
MĐ 35	Thực tập trải nghiệm	3
MĐ 36	Thực tập doanh nghiệp	3
MĐ 37	Thực tập tốt nghiệp	6
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (<i>Chọn 2 trong 3 môn học</i>)	4
MH 38	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2
MH 39	Chăm sóc khách hàng	2
MH 40	Quản trị tài chính	2
II.4	Tốt nghiệp (Khóa luận tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 41	Khóa luận tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 42	Thương mại quốc tế	3
	TỔNG (I+II):	110

Tổng 110 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: MAY THỜI TRANG

2. Mã ngành, nghề: 6540205

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	11
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Vật liệu may	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật ngành may	2
MH 10	Thiết bị và an toàn ngành may	2
MH 11	Nhân trắc học	2
MH 12	Quản lý chất lượng sản phẩm	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	71
MH 13	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 14	Thiết kế quần âu, áo sơ mi nam nữ	3
MĐ 15	Thiết kế áo Jacket, váy	3
MH 16	May áo sơ mi nam, nữ	2
MH 17	May quần âu nam, nữ	2
MH 18	May áo jacket, váy	2
MĐ 19	Thiết kế áo dài	2
MĐ 20	Thiết kế mẫu công nghiệp	3
MH 21	Sáng tác mẫu	2
MĐ 22	Thiết kế trên máy tính	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Công nghệ sản xuất	4
MĐ 24	Thiết kế sản phẩm trên Manocanh	4
MH 25	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may	2
MH 26	Thiết kế đồ họa	2
MĐ 27	Thiết kế áo vest nữ	2
MĐ 28	Thực hành May áo sơ mi nam, nữ	4
MĐ 29	Thực hành May quần âu nam, nữ	3
MĐ 30	Thực hành May áo jacket, váy	3
MĐ 31	Thực hành may áo dài	2
MĐ 32	Thực hành May áo vest nữ	3
MĐ 33	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 34	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 36	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 37	Giác sơ đồ trên máy tính	3
	TỔNG (I+II):	104

Tổng 104 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

2. Mã ngành, nghề: 6810404

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	76
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	17
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Giải phẫu - Sinh lý	4
MH 09	Khoa học sức khỏe và làn da	3
MH 10	Nghệ thuật chăm sóc khách hàng	3
MH 11	Vẽ mỹ thuật	4
MH 12	Dinh dưỡng trong làm đẹp	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	56
MĐ 13	Thế dục thẩm mỹ 1	1
MH 14	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 15	Chăm sóc da cơ bản	4
MH 16	Mỹ phẩm trong chăm sóc và trị liệu da	2
MĐ 17	Chăm sóc móng cơ bản	3
MĐ 18	Thế dục thẩm mỹ 2	1
MĐ 19	Makeup cơ bản	4
MĐ 20	Kỹ thuật gội đầu	2
MĐ 21	Chăm sóc da nâng cao	4
MĐ 22	Makeup nâng cao	4
MĐ 23	Móng nghệ thuật nâng cao	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 24	Gội đầu dưỡng sinh	3
MĐ 25	Tổ chức và quản lý spa	2
MĐ 26	Massage body	3
MĐ 27	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 28	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp)	3
MĐ 30	Đồ án tốt nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	95

Tổng 95 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG TRUNG QUỐC

2. Mã ngành, nghề: 6220209

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	76
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 09	Tiếng việt thực hành	2
MH 10	Dẫn luận ngôn ngữ	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	63
MĐ 11	Nghe, nói tiếng Trung 1	4
MĐ 12	Đọc, viết tiếng Trung 1	4
MĐ 13	Nghe, nói tiếng Trung 2	4
MĐ 14	Đọc, viết tiếng Trung 2	4
MH 15	Hán ngữ tổng hợp 1	3
MH 16	Hán ngữ tổng hợp 2	3
MĐ 17	Nghe, nói tiếng Trung 3	3
MĐ 18	Đọc, viết tiếng Trung 3	3
MH 19	Hán ngữ tổng hợp 3	3
MH 20	Dịch nói 1	2
MH 21	Dịch nói 2	2
MH 22	Dịch viết 1	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 23	Dịch viết 2	3
MH 24	Lý huyết dịch	2
MH 25	Đất nước học	2
MH 26	Ngữ pháp	2
MH 27	Từ vựng	3
MH 28	Văn học Trung Quốc	2
MĐ 29	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 01 trong 02 môn học)	2
MH 31	Tiếng Trung du lịch	2
MH 32	Tiếng Trung thương mại	2
II.4	Tốt nghiệp	3
MĐ 33	Chuyên đề/Khóa luận tốt nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	95

Tổng 95 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG HÀN QUỐC

2. Mã ngành, nghề: 6220211

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	89
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 09	Dẫn luận ngôn ngữ	3
MH 10	Tiếng việt thực hành	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	78
MĐ 11	Nghe, nói tiếng Hàn 1	5
MĐ 12	Đọc, viết tiếng Hàn 1	5
MĐ 13	Nghe, nói tiếng Hàn 2	5
MĐ 14	Đọc, viết tiếng Hàn 2	5
MĐ 15	Nghe, nói tiếng Hàn 3	5
MĐ 16	Đọc, viết tiếng Hàn 3	5
MĐ 17	Nghe, nói tiếng Hàn 4	5
MĐ 18	Đọc, viết tiếng Hàn 4	5
MĐ 19	Nghe, nói tiếng Hàn 5	5
MĐ 20	Đọc, viết tiếng Hàn 5	5
MH 21	Tiếng Hàn du lịch	3
MH 22	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 23	Văn hóa Hàn Quốc	3
MH 24	Tiếng Hàn phiên dịch	4
MH 25	Tiếng Hàn biên dịch	4
MĐ 26	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp	3
MĐ 28	Chuyên đề/Khóa luận tốt nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	108

***Tổng 108 tín chỉ** (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình*

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG NHẬT

2. Mã ngành, nghề: 6220212

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	78
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Khái quát về văn hóa xã hội Nhật Bản	3
MH 09	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 10	Tiếng việt thực hành	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	67
MH 11	Tiếng nhật 1	5
MH 12	Tiếng Nhật trong công việc	5
MH 13	Thực hành tiếng Nhật 1	2
MH 14	Tiếng Nhật 2	5
MH 15	Thực hành tiếng Nhật 2	2
MH 16	Tiếng Nhật 3	5
MH 17	Thực hành tiếng Nhật 3	2
MH 18	Tiếng Nhật 4	5
MH 19	Thực hành tiếng Nhật 4	2
MH 20	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1	3
MH 21	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2	3
MH 22	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 3	3
MH 23	Văn bản tiếng Nhật	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 24	Tiếng Nhật kinh tế thương mại	3
MH 25	Đọc hiểu tiếng Nhật nâng cao	4
MH 26	Nghe hiểu tiếng Nhật nâng cao	3
MĐ 27	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.4	Tốt nghiệp	3
MĐ 29	Chuyên đề/Khóa luận tốt nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	97

Tổng 97 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC

2. Mã ngành, nghề: 6510401

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	81
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	28
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Hoá vô cơ	3
MH 11	Hóa hữu cơ	3
MH 12	Hóa phân tích	4
MH 13	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học 1	3
MH 14	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học 2	3
MH 15	Hóa lý 1	3
MH 16	Hóa lý 2	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	48
MH 17	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	2
MH 18	Hóa học và hóa lý polimer	3
MH 19	Công nghệ sản xuất silicat	3
MH 20	Công nghệ sản xuất sơn	2
MH 21	Công nghệ sản xuất phân bón	3
MH 22	Công nghệ chế biến dầu mỏ	3
MH 23	Cơ sở thiết kế nhà máy hóa chất	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 24	Đồ án công nghệ chế biến dầu mỏ	2
MĐ 25	Thực hành hóa vô cơ	2
MĐ 26	Thực hành hóa hữu cơ	1
MĐ 27	Thực hành hóa lý	1
MĐ 28	Thực hành hóa phân tích	2
MĐ 29	Đồ án quá trình và thiết bị và công nghệ hóa học	2
MĐ 30	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 31	Thực tập doanh nghiệp	6
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	10
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MĐ 33	Đồ án thiết kế nhà máy hóa chất	2
MĐ 34	Đồ án môn công nghệ sản xuất sơn	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 35	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 36	Công nghệ điện hóa	3
	TỔNG (I+II):	100

Tổng 100 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

2. Mã ngành, nghề: 6510421

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	81
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	27
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Hóa phân tích	4
MH 10	Hóa lý	3
MH 11	Môi trường đại cương	2
MH 12	Hóa kỹ thuật môi trường	2
MH 13	Quá trình và thiết bị công nghệ môi trường 1	3
MH 14	Quá trình và thiết bị công nghệ môi trường 2	3
MH 15	Công nghệ xử lý khí thải và kiểm soát tiếng ồn	2
MH 16	Vẽ kỹ thuật	2
MH 17	Vi sinh môi trường	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	49
MH 18	Công nghệ xử lý nước thải	3
MH 19	Quan trắc môi trường	2
MH 20	Độc học môi trường	2
MH 21	Sản xuất sạch hơn	2
MH 22	Hệ thống thông tin địa lý	3
MH 23	Đánh giá tác động môi trường	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 24	Mạng cấp nước sinh hoạt	2
MH 25	Công nghệ xử lý nước cấp	3
MĐ 26	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 27	Thực tập doanh nghiệp	6
MĐ 28	Đồ án quá trình và thiết bị công nghệ môi trường	2
MĐ 29	Thực hành xử lý nước	2
MĐ 30	Thực hành xử lý khí thải	1
MĐ 31	Thực hành vi sinh môi trường	1
MĐ 32	Thực hành hóa phân tích	2
MĐ 33	Đồ án công nghệ xử lý nước cấp	1
MĐ 34	Đồ án công nghệ xử lý nước thải	1
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	10
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 36	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2
MH 37	Phân tích môi trường	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 38	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 39	Quy hoạch môi trường	3
	TỔNG (I+II):	100

Tổng 100 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình ch

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CẮT GỌT KIM LOẠI

2. Mã ngành, nghề: 6520121

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	25
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3
MH 11	Vật liệu cơ khí	2
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
MH 14	Autocad	2
MH 15	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 16	Nguyên lý cắt	3
MH 17	Máy cắt kim loại	2
MH 18	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	55
MĐ 19	Thực tập Ngụội	2
MĐ 20	Thực tập Hàn	2
MĐ 21	Phay, bào mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng	3
MĐ 22	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	2
MĐ 23	Phay, bào rãnh đuôi én	1

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 24	Phay bánh răng trụ răng thẳng	2
MĐ 25	Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài	3
MĐ 26	Tiện lỗ	2
MĐ 27	Tiện côn	1
MĐ 28	Tiện lệch tâm, tiện định hình	1
MĐ 29	Tiện ren tam giác	2
MĐ 30	Tiên ren vuông	1
MĐ 31	Tiện ren thang	1
MĐ 32	Thực tập Tiện CNC	3
MĐ 33	Thực tập Phay CNC	3
MĐ 34	Thực tập EDM & wirecut	2
MĐ 35	Tiện lăn nhám, lăn ép	1
MĐ 36	Phay bào đa giác	1
MĐ 37	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 38	Thực tập doanh nghiệp	6
MĐ 39	Thực tập tốt nghiệp	12
II.3	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 40	Chế tạo phôi	2
MH 41	Đồ gá	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 42	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 43	Công nghệ CAD/CAM/CNC nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	104

Tổng 104 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình ch

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: HÀN

2. Mã ngành, nghề: 6520123

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	14
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3
MH 11	Vật liệu cơ khí	2
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	64
MH 14	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 15	Công nghệ Hàn	3
MH 16	Thiết bị hàn	2
MH 17	Lý thuyết khai triển	1
MĐ 18	Chế tạo phôi hàn	2
MĐ 19	Gá lắp kết cấu hàn	2
MĐ 20	Hàn hồ quang tay cơ bản	4
MĐ 21	Hàn hồ quang tay nâng cao	4
MĐ 22	Hàn MIG, MAG cơ bản	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Hàn MIG, MAG nâng cao	2
MĐ 24	Hàn TIG cơ bản	2
MĐ 25	Hàn TIG nâng cao	2
MĐ 26	Hàn, cắt bằng ngọn lửa khí	3
MĐ 27	Quy trình hàn	2
MĐ 28	Kiểm tra đánh giá chất lượng mối hàn	1
MĐ 29	Hàn tiếp xúc (Hàn điện trở)	2
MĐ 30	Hàn tự động dưới lớp thuốc	2
MĐ 31	Hàn kim loại và hợp kim màu	2
MĐ 32	Robot Hàn	2
MĐ 33	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 34	Thực tập doanh nghiệp	6
MĐ 35	Thực tập tốt nghiệp	12
II.3	Các môn học tự chọn (Chọn 2 trong 4 môn học)	4
MH 36	Hệ thống Thủy lực - khí nén	2
MH 37	Autocad	2
MH 38	Kết cấu hàn	2
MH 39	Chế tạo phôi	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 40	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	0
MĐ 41	Robot Hàn nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	104

Tổng 104 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình ch

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

2. Mã ngành, nghề: 6510103

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	19
MH 01	Giáo dục Chính trị	5
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	4
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	83
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	16
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
MH 13	Vật liệu xây dựng	2
MH 14	Autocad	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	62
MH 15	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 16	Kết cấu bê tông cốt thép	2
MH 17	Kỹ thuật thi công	2
MH 18	Dự toán xây dựng	2
MĐ 19	Thực tập nhận thức xây dựng	8
MĐ 20	Thực hành trắc địa	8
MĐ 21	Thực tập Công nhân XD	12
MĐ 22	Thực tập địa chất công trình	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MĐ 23	Thực tập trải nghiệm	4
MĐ 24	Thực tập doanh nghiệp	6
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	10
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 26	Tổ chức thi công	2
MH 27	Máy xây dựng	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 28	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 29	Dự toán xây dựng	3
	TỔNG (I+II):	102

Tổng 102 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình ch